

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày: 16-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

2. Ông Liêu Văn Lộc

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. **Hồ Thành C**, sinh năm 1999; Nơi sinh: tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: 765/29, **khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn 11/12; con ông **Hồ Thành D**, sinh năm 1978 và **Ngô Thị Bích L**, sinh năm 1981; bị cáo là người con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con;

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống cùng với gia đình tại **khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang**. Đi học đến lớp 11 thì nghỉ học. Từ năm 2018 đến năm 2020 tham gia nghĩa vụ quân sự tại **Tiểu đoàn 512 - Trung đoàn Bộ binh H3** thuộc **thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang**.

+ Tiền án, tiền sự: Không;

+ Bị cáo **Hồ Thành C** bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ 22/7/2022 cho đến nay;

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngân T, sinh năm 1990; Nơi sinh: tại An Giang; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn 08/12; con ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1968 và Lâm Thị P, sinh năm 1972; bị cáo là người con duy nhất trong gia đình; có vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019.

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống cùng với gia đình tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang, đi học đến lớp 8 thì nghỉ học. Đến năm 2014 kết hôn với Nguyễn Thị T1.

Ngày 19/01/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành án tại Trại giam Đ, đến ngày 03/9/2013 chấp hành xong.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị can Nguyễn Ngân T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/7/2022 cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; Tên gọi khác: M; Nơi sinh: tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số B, đường A, khu phố B, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn 12/12; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1954 và Trần Thị T2, sinh năm 1954; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người nhỏ nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con;

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống cùng với gia đình tại số B, đường A, khu phố B, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, đi học đến lớp 12 thì nghỉ.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị can Nguyễn Văn H bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/7/2022 cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thành N, sinh năm 1989; Nơi sinh: tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn 05/12; con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1965 và Ngô Thị T3, sinh năm 1962; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người con thứ hai trong gia đình; có vợ là Lư Thị Mỹ H1, sinh năm 1990; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019.

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống cùng với gia đình tại khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, đi học đến lớp 05 thì nghỉ. Đến năm 2012 kết hôn với Lư Thị Mỹ H1 và đến năm 2020 chuyển đến sinh sống tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang cho đến nay.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị can **Nguyễn Thành N** bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/7/2022 cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Thành T4**, sinh năm 1996; Nơi sinh: tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: **Ấp Á, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn 12/12; con ông **Lê Văn B1**, sinh năm 1948 và **Võ Thị P1**, sinh năm 1960; anh chị em ruột có 07 người, bị cáo là người con nhỏ nhất trong gia đình; có vợ là **Nguyễn Thị Minh P2**, sinh năm 1996; có 01 người con sinh năm 2021.

* Quá trình nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống cùng với gia đình tại **ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**, đi học đến lớp 12 thì nghỉ. Đến năm 2020 kết hôn với **Nguyễn Thị Minh P2**.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị can **Lê Thành T4** bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/8/2022 cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo* **Lê Thành T4** là: ông **Đỗ Khoa K**, sinh năm 1982
- Trợ giúp viên pháp lý thuộc **Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A** (vắng mặt khi tuyên án).

- *Người bị hại:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn A1

Trụ sở: **Khu công nghiệp B, ấp P, xã B, huyện C, An Giang**.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại: **Nguyễn Thị Kim O**, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cư trú: **18B N, khóm N, phường M, TP ., tỉnh An Giang**

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Huỳnh Hữu H2**, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Cư trú: **Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang**.

2. **Công ty TNHH B2**

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Người đại diện hợp pháp của người liên quan là anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1969 (có mặt);

Cư trú: **67 đường V, ấp T, xã T, huyện C, TP .**

- *Người làm chứng:*

1. Chị **Dương Thị Thúy A**, sinh năm 1997 (vắng mặt);

Cư trú: **Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang**.

2. Chị **Nguyễn Thị Mỹ T5**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 26, ấp Phú Hòa II, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, An Giang

3. anh **Đoàn Anh K1**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp Phú Hòa I, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

4. Anh **Nguyễn Văn N2**, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp H, xã H, C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2022, **Hồ Thành C**, **Nguyễn Ngân T**, **Nguyễn Thành N** và **Lê Thành T4** cùng uống bia tại nhà của **Nguyễn Thị Mỹ T5** (đều là công nhân tại **Công ty trách nhiệm hữu hạn A1** thuộc ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang). Trong lúc uống bia, biết **C** làm ở bộ phận chạy hàng ưu tiên nên được đi tất cả các xưởng trừ kho giày của Công ty nên **N** và **T4** có nói xin **C** 01 đến 02 đôi giày, **C** đồng ý. **T** nói có quen với **Nguyễn Văn H** (Mười) là tài xế chở bao bì giấy cho **Công ty trách nhiệm hữu hạn B2** thường xuyên đến giao hàng tại **Công ty A1**, khi nào **C** lấy được giày thì cho **T** biết để **T** kêu Hội mang giày ra khỏi Công ty mà không bị phát hiện.

Khoảng 06 giờ 15 phút ngày 14/3/2022, **H** cùng **T** và **T4** ngồi uống cà phê gần cổng **khu công nghiệp B** thì **T** và **T4** nói cho **H** biết **C** sẽ lấy trộm giày của **Công ty A1** nhờ Hội cất giấu trong xe ô tô tải vận chuyển số giày trộm được ra khỏi Công ty và hứa sẽ trả tiền công cho **H**, Hội đồng ý nên **T4** điện thoại cho **N** để Như kêu **C** lấy trộm giày gửi cho Hội. Sau đó, **N** đến quán gặp **T4**, **T**, **H** và nói **C** sẽ lấy trộm giày của **Công ty A1** mang đến cho Như.

Khoảng 07 giờ cùng ngày, **H** điều khiển xe ô tô tải biển số: 50LD - 022.65 đến kho giấy “Xưởng B” của **Công ty A1** để công nhân đem bao bì vào kho. Khoảng 08 giờ, **C** kêu **Huỳnh Hữu H2** (làm cùng bộ phận chạy hàng ưu tiên với **C**) đi xuống kho giày lẻ của **Công ty A1** để cùng **C** gặp **Dương Thị Thúy A** (là nhân viên hỗ trợ sản xuất) vào kho lấy 06 đôi giày nhãn hiệu New Balance, lúc này **A** lấy thêm 01 đôi giày để mang đến chuyển 21 “Xưởng C” dùng làm giày mẫu cho công nhân xem, khi ra khỏi kho giày lẻ **A** ký nhận 07 đôi giày.

Sau đó, **C** và **H2** mang 06 đôi giày gồm: 02 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu trắng, mã số: U574TE2, size US 7 - 2prs; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu đen, mã số: ML574OMD, size US 7.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số: ML574HW2, size US 9.5 - 1pr; 01 đôi giày nữ hiệu New Balance (NB), màu hồng, mã số: WL574SP2, size US 6.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số: ML574PU2, size US 6 - 1pr đến bàn làm việc của Như và **T4** thì **Nguyễn Văn N2** (là công nhân làm chung khu với **N** và **T4**) thấy nên điện thoại cho **T4** biết. Lúc này, **N** về đến bàn làm việc thấy trên bàn có 06 đôi giày. Sau đó, **T** điện thoại kêu **C** và **H2** mang 06 đôi giày đến kho giấy “Xưởng B”. Tại đây, **C** và **H2** cất giấu 06 đôi giày vào 01 thùng giấy cacton rồi **T** kêu **H2** mang thùng giấy cacton đến xe ô tô tải của Hội để **T** cất giấu vào cabin

của xe ô tô tải của Hội. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, H điều khiển ô tô xe tải ra đến cổng Công ty A1 thì Đoàn Anh K1 (là nhân viên bảo vệ) kiểm tra xe, phát hiện 06 đôi giày nên trình báo Công an xã B sự việc.

* Vật chứng thu giữ:

- 02 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu trắng, mã số: U574TE2, size US 7 - 2prs; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu đen, mã số: ML574OMD, size US 7.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số: ML574HW2, size US 9.5 - 1pr; 01 đôi giày nữ hiệu New Balance (NB), màu hồng, mã số: WL574SP2, size US 6.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số: ML574PU2, size US 6 - 1pr. Đã trao trả cho Nguyễn Thị Kim O người đại diện của Công ty A1;

+ 01 xe ô tô tải biển số: 50LD - 022.65, nhãn hiệu: ISUZU, loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: Trắng, số máy: 4HK1096865, số khung: RLEN1R75LD 7101936, số loại: NQR75L CAB, trọng tải: 4900 kg và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 103506 cấp ngày 14/5/2013, tên chủ xe Công ty TNHH B2 (đã qua sử dụng). Đã trao trả cho Nguyễn Văn V đại diện Công ty TNHH B2.

- 01 USB nhãn hiệu ming ling, màu vàng, 02 mặt bên của USB có chữ viết Samho màu xanh.

- 01 điện thoại di động Nokia 1280, màu đen, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone có số thuê bao 0943876619 (đã qua sử dụng);

- 01 điện thoại di động Redmi Note 8, màu xanh, kiểu máy: Redmi Note 8, số seri: 1173ff9d; IMEI (khe sim): 864927040135401; IMEI (khe sim): 864927041045401, bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0357737350 (đã qua sử dụng).

- 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số kiểu máy: SM-J730G; số seri: R58J81L9FFD; IMEI (khe 1): 356446086327736; IMEI (khe 2): 356447086327734 bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0344474703 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879642190 (đã qua sử dụng).

- 01 điện thoại di động OPPO A55, màu xanh; kiểu máy: CPH2325, số seri: FMNV4LBAUCMF85RS; IMEI 1: 866787050627830; IMEI 2: 866787050627822 bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0338738161 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879593558 (đã qua sử dụng).

Tại kết luận định giá số 23/KL.HĐ ngày 08/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh An Giang. Kết luận:

- 02 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu trắng, mã số: U574TE2, size US 7 - 2prs, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 02 đôi x 1.912.500 đồng x 100% = 3.825.000 đồng;

- 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu đen, mã số: ML574OMD, size US 7.5 - 1pr, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 01 đôi x 2.452.500 đồng x 100% = 2.452.500 đồng;

- 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số: ML574HW2, size US 9.5 - 1pr, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 01 đôi x 1.800.000 đồng x 100% = 1.800.000 đồng;

- 01 đôi giày nữ hiệu New Balance (NB), màu hồng, mã số: WL574SP2, size US 6.5 - 1pr, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 01 đôi x 1.800.000 đồng x 100% = 1.800.000 đồng;

- 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số: ML574PU2, size US 6 - 1pr, chưa qua sử dụng, có giá trị là: 01 đôi x 1.800.000 đồng x 100% = 1.800.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản định giá là: 11.677.500 đồng (*Mười một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) (Bút lục số: 93-94).

Tại kết luận giám định số 79/KL-KTHS(KTSĐT-GT) ngày 03/5/2022 của **Phòng K2 - Công an tỉnh A**. Kết luận: 01 (một) phụ lục gồm 16 trang A4 (Bút lục số 104).

Ngày 22/7/2022, **Hồ Thành C**, **Nguyễn Ngân T**, **Nguyễn Văn H** và **Nguyễn Thành N** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện C** khởi tố để điều tra và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Riêng **Lê Thành T4** bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an huyện C** khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú vào ngày 18/8/2022.

Tại cáo trạng số 46/CT-VKSCT-HS ngày 30/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang truy tố để xét xử các bị cáo **Hồ Thành C**, **Nguyễn Ngân T**, **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Thành N**, **Lê Thành T4** về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung luận tội: Giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo **Hồ Thành C**, **Nguyễn Ngân T**, **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Thành N**, **Lê Thành T4**, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Hồ Thành C**, **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Thành N** và **Lê Thành T4** từ 06 tháng đến 01 năm tù.

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngân T** từ 09 tháng đến 01 năm 03 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về vật chứng:

- 02 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu trắng, mã số: U574TE2, size US 7 - 2prs; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu đen, mã số: ML574OMD, size US 7.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số:

ML574HW2, size US 9.5 - 1pr; 01 đôi giày nữ hiệu New Balance (NB), màu hồng, mã số: WL574SP2, size US 6.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số: ML574PU2, size US 6 - 1pr. Đây là các tài sản của Công ty TNHH A1 bị các bị cáo lấy trộm, đã trao trả cho Nguyễn Thị Kim O người đại diện của Công ty A1;

+ 01 xe ô tô tải biển số: 50LD - 022.65, nhãn hiệu: ISUZU, loại xe: Tải thùng kín, màu sơn: Trắng, số máy: 4HK1096865, số khung: RLEN1R75LD 7101936, số loại: NQR75L CAB, trọng tải: 4900 kg và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 103506 cấp ngày 14/5/2013, tên chủ xe Công ty TNHH B2 (đã qua sử dụng). Đã trao trả cho Nguyễn Văn V đại diện Công ty TNHH B2.

- 01 USB nhãn hiệu ming ling, màu vàng, 02 mặt bên của USB có chữ viết Samho màu xanh, đề nghị lưu hồ sơ vụ án.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280, màu đen, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone có số thuê bao 0943876619 (đã qua sử dụng);

+ 01 điện thoại di động Redmi Note 8, màu xanh, kiểu máy: Redmi Note 8, số seri: 1173ff9d; IMEI (khe Sim): 864927040135401; IMEI (khe Sim): 864927041045401, bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0357737350 (đã qua sử dụng).

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số kiểu máy: SM-J730G; số seri: R58J81L9FFD; IMEI (khe 1): 356446086327736; IMEI (khe 2): 356447086327734 bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0344474703 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879642190 (đã qua sử dụng).

+ 01 điện thoại di động OPPO A55, màu xanh; kiểu máy: CPH2325, số seri: FMNV4LBAUCMF85RS; IMEI 1: 866787050627830; IMEI 2: 866787050627822 bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0338738161 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879593558 (đã qua sử dụng).

Đối với Huỳnh Hữu H2, Dương Thị Thúy A không biết bị cáo C vào kho lấy trộm giày của Công ty nên không đề nghị xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: các Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tranh luận với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp cho bị hại là chị Nguyễn Thị Kim O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hữu H2; những người làm chứng: chị Dương Thị Thúy A, Nguyễn Thị Mỹ T5, Đoàn Anh K1 và Nguyễn Văn N2 đều vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình điều tra có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án đã nêu, bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo đúng quy định pháp luật, đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại Bản luận cứ của ông Đỗ Khoa K - Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh An Giang trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Lê Thành T4:

- Về tội danh: thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với tội danh.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ sau:

+ Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chấp hành đúng quy định về việc cấm đi khỏi nơi cư trú, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Nghị Quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị,

+ Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét là có cơ sở.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đại diện hợp pháp cho bị hại là chị Nguyễn Thị Kim O, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Hữu H2; những người làm chứng: chị Dương Thị Thúy A, Nguyễn Thị Mỹ T5, Đoàn Anh K1 và Nguyễn Văn N2 vắng mặt. Xét thấy, Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai và làm rõ các tình tiết vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây cản trở cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã thừa nhận cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ các biên bản đối chất, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người liên quan, vật chứng thu giữ do các bị cáo lấy trộm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Vào ngày ngày 14/3/2022 các bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp của Công ty trách nhiệm hữu hạn A1 gồm: 02 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu trắng, mã số: U574TE2, size US 7 - 2prs; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu đen, mã số: ML574OMD, size US 7.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số:

ML574HW2, size US 9.5 - 1pr; 01 đôi giày nữ hiệu New Balance (NB), màu hồng, mã số: WL574SP2, size US 6.5 - 1pr; 01 đôi giày nam hiệu New Balance (NB), màu xanh, mã số: ML574PU2, size US 6 - 1pr. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 11.677.500 đồng.

Theo quy định tại Điều 173 quy định: “Tội trộm cắp tài sản”:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm khắc. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, các bị cáo đang ở độ tuổi lao động lẽ ra phải cố gắng rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lao động chân chính để tạo thu nhập nuôi sống bản thân và chăm lo cho gia đình nhưng ngược lại vì tham lam muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải tốn nhiều công sức lao động cực nhọc, các bị cáo đã thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến niềm tin của các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh, từ đó làm xấu đi môi trường đầu tư cũng như năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của địa phương trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp. Các bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Do đó cần áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một khoản thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Vụ án có đồng phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo vì lòng tham nên đã nảy sinh ý định và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, không có sự cấu kết chặt chẽ và phân công nhiệm vụ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo T4 và N là người khởi xướng nói xin bị cáo C 01 đến 02 đôi giày, T liên hệ với Hội để tiếp sức đem giày ra khỏi Công ty bằng xe ô tô tải mà Hội điều khiển, bị cáo C là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm giày, sau đó liên lạc với T để T sắp xếp cất giấu để mang giày lên xe tải của Hội. Đối với

các bị cáo **C**, **T** và Hội, **T4** và Như, tuy mỗi bị cáo thực hành mỗi giai đoạn khác nhau, nhưng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà các bị cáo thực hiện là ngang nhau, do đó cần áp dụng mức hình phạt tương đương nhau. Riêng bị cáo **Ngân T** là người có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội “Cướp tài sản”. Lẽ ra bị cáo phải biết ăn năn, hối cải, sửa đổi bản thân, làm việc chân chính, sau khi chấp hành xong án phải cố gắng phấn đấu trở thành công dân tốt, nhưng bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, thể hiện sự xem thường pháp luật. Xét thấy cần áp dụng mức án cao hơn các bị cáo khác trong vụ án mới tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, trình độ học vấn chưa cao, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho các bị cáo **C**, **N**, **H** và **T4** và **T** tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị can **C**, **N**, Hội và **T4** được áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Biện pháp tư pháp:

- Xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, gồm:

+ 01 điện thoại di động **N3** 1280, màu đen, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone có số thuê bao 0943876619 (đã qua sử dụng);

+ 01 điện thoại di động Redmi Note 8, màu xanh, kiểu máy: Redmi Note 8, số seri: 1173ff9d; IMEI (khe Sim): 864927040135401; IMEI (khe Sim): 864927041045401, bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0357737350 (đã qua sử dụng);

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số kiểu máy: SM-J730G; số seri: R58J81L9FFD; IMEI (khe 1): 356446086327736; IMEI (khe 2): 356447086327734 bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0344474703 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879642190 (đã qua sử dụng);

+ 01 điện thoại di động OPPO A55, màu xanh; kiểu máy: CPH2325, số seri: FMNV4LBAUCMF85RS; IMEI 1: 866787050627830; IMEI 2: 866787050627822 bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0338738161 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879593558 (đã qua sử dụng);

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được toàn bộ tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Hồ Thành C**, **Nguyễn Ngân T**, **Nguyễn Văn H**, **Nguyễn Thành N**, **Lê Thành T4** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Hồ Thành C** 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành N** 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Thành T4** 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ngân T** 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch sung vào ngân sách nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Nokia 1280, màu đen, bên trong có 01 sim mạng Vinaphone có số thuê bao 0943876619 (đã qua sử dụng);

+ 01 điện thoại di động Redmi Note 8, màu xanh, kiểu máy: Redmi Note 8, số seri: 1173ff9d; IMEI (khe Sim): 864927040135401; IMEI (khe Sim): 864927041045401, bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0357737350 (đã qua sử dụng);

+ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số kiểu máy: SM-J730G; số seri: R58J81L9FFD; IMEI (khe Sim 1): 356446086327736; IMEI (khe Sim 2): 356447086327734 bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0344474703 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879642190 (đã qua sử dụng);

+ 01 điện thoại di động OPPO A55, màu xanh; kiểu máy: CPH2325, số seri: FMNV4LBAUCMF85RS; IMEI 1: 866787050627830; IMEI 2: 866787050627822

bên trong có 01 sim mạng Viettel có số thuê bao 0338738161 và 01 sim mạng iTel có số thuê bao 0879593558 (đã qua sử dụng);

(Các vật chứng được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang theo quyết định chuyển vật chứng số 37/QĐ-VKSCT-HS ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang).

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

- Về án phí:

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, sự tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Cơ quan điều tra CA huyện Châu Thành;
- Cơ quan THA hình sự huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Bị cáo, bị hại (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh